

KINH TẾ TRI THỨC VÀ VAI TRÒ NGÀY Càng TĂNG CỦA NHÓM XÃ HỘI TRÍ THỨC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN CHÍ DŨNG*

1. Kinh tế tri thức - bước ngoặt phát triển của lực lượng sản xuất trong thời đại hiện nay

1.1. Kinh tế tri thức

Từ khoảng giữa thế kỉ XX, cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ hai đã diễn ra, thế giới chuyển sang bước ngoặt phát triển mới. Một thời đại mới đã bắt đầu - thời đại “Kinh tế tri thức” (KTTT) (Knowledge economy)¹. Đây là thời đại khác với tất cả các thời đại trước đó về cách thức sử dụng tiềm năng con người và tài nguyên thiên nhiên. Nếu những thời đại trước con người mới đơn giản kết hợp một cách có ý thức sức mạnh thể lực của con người với tài nguyên thiên nhiên có sẵn để tổ chức nền sản xuất và phát triển đời sống xã hội thì ngày nay, trong thời đại KTTT, con người sử dụng chủ yếu trí lực và trí lực được vật thể hoá thông qua công nghệ và thông tin tác động vào nguồn tài nguyên thiên nhiên đã được tái tạo để sản xuất và phát triển xã hội. Nhờ vậy, năng lực của con người đã được nâng cao gấp bội. Con người càng hiểu sâu hơn về thế giới vi mô và thế giới vĩ mô; càng nắm bắt và sử dụng có hiệu quả các quy luật chi phối tự nhiên và xã hội.

Từ khoảng nửa cuối thế kỉ XX đến nay, cứ sau 5 năm kho tàng tri thức của nhân loại lại tăng gấp đôi. Mỗi năm có khoảng 300.000 phát minh khoa học, công nghệ được cấp phép². Trong khi đó, thời gian ứng dụng những phát minh này ngày một rút ngắn. Nếu thế kỉ XIX, trung bình phải mất 70 năm, một phát minh khoa học mới được ứng dụng thành giải pháp kĩ thuật để sản xuất ra sản phẩm mới, thì ngày nay, loài người chỉ mất từ 1 đến 3 năm³. Tri thức, khoa học, thông tin đã trở thành lực lượng sản xuất (LLSX) trực tiếp. Năng suất lao động được tăng cao không ngừng. KTTT, thực tế, đã tạo ra một bước ngoặt phát triển mới về chất của LLSX.

Cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ hai cũng đã biến nền sản xuất đại công nghiệp cơ khí thành nền sản xuất tự động hoá. Ở đây, nhờ sự phát triển của toán tin và công nghệ thông tin mà các quá trình sản xuất và dịch vụ xã hội được tự động hoá một

* PGS.TS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

^{1 2 3} Kinh tế tri thức (knowledge based economy) là khái niệm được Tổ chức hợp tác kinh tế và phát triển (OECD) chính thức dùng tới năm 1995, được nhiều nhà nghiên cứu và nhà quản lý sử dụng thống nhất đến nay. Tuy nhiên, cũng còn không ít các quan niệm khác nhau như: “Information economy” – kinh tế thông tin; “Digital economy” – kinh tế số; “Knowledge based economy” – kinh tế dựa vào tri thức; “Knowledge driven economy” – kinh tế được dẫn dắt bởi tri thức – Theo tổng hợp của Giáo sư Văn Tạo trong cuốn “Giai cấp công nhân Việt Nam với kinh tế tri thức (cuối thế kỉ XX – đầu thế kỉ XXI), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2007, tr.104, 105, 116.

phần hay toàn bộ. Nhiều ngành công nghệ mới như điện tử, tin học, công nghệ nano, vật liệu mới, nguyên tử, công nghiệp vũ trụ... phát triển, thay thế dần các ngành công nghệ truyền thống. Điều này khiến cho nhu cầu nghiên cứu khoa học phát triển đan xen với nhu cầu phát triển công nghệ và ứng dụng chúng vào sản xuất và đời sống. Tất cả diễn ra trong sự gắn bó hữu cơ giữa các cơ quan nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học vào sản xuất, kinh doanh. Nhà khoa học, vì vậy, phải thường xuyên nghiên cứu, tìm hiểu, đáp ứng trực tiếp các nhu cầu kinh tế, kỹ thuật của sản xuất. Người sản xuất cũng phải có tri thức khoa học để ứng dụng một cách sáng tạo các phát minh khoa học vào các quá trình sản xuất mà mình đang tham gia. Khoa học trở thành LLSX trực tiếp, đã tạo ra những thay đổi có tính bước ngoặt trong phương thức thực hiện việc sản xuất và nâng cao đáng kể trình độ tổ chức và thực hiện các dịch vụ xã hội.

Trong nền KTTT, tri thức, khoa học, công nghệ và thông tin trở thành chìa khoá để tạo ra việc làm mới, lĩnh vực sản xuất mới, làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tăng cao hàm lượng trí tuệ trong giá trị sản phẩm xã hội. Đến nay, trong nền kinh tế của một số nước phát triển, hàm lượng trí tuệ trong nhiều sản phẩm xã hội đạt đến hơn 70%. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá trình độ phát triển về KTTT ở mỗi quốc gia, khu vực hay trên toàn cầu.

Ngoài ra, trong nền KTTT, giáo dục đào tạo được coi là ngành có vai trò quan trọng, then chốt. Ở đây, giáo dục đào tạo không chỉ chuyển tải khối lượng tri thức, kỹ năng lao động từ thế hệ này sang thế hệ khác mà còn là ngành cung cấp những điều kiện, cách thức để khuyến khích sự phát triển, sáng tạo ở mỗi con người, mỗi chủ thể người. Giáo dục, đào tạo, vì thế, là ngành đặc biệt quan trọng trong nền KTTT. Nó sản sinh ra những mẫu người, những mẫu chủ thể người phù hợp với hệ giá trị và chuẩn mực xã hội mà thời đại KTTT yêu cầu.

Sự phát triển của khoa học công nghệ và thông tin trong nền KTTT đã đẩy nhanh việc hình thành các khu mậu dịch tự do ở từng khu vực cũng như trên phạm vi toàn cầu. Đây là xu thế tất yếu mà nền KTTT nào cũng sẽ tạo ra. Ranh giới quốc gia, vùng lãnh thổ giảm dần sự cách biệt về địa lý, hành chính. Sự xích lại gần nhau về kinh tế xã hội của các quốc gia, vùng lãnh thổ có xu hướng ngày càng gia tăng. Nhiều vấn đề kinh tế, xã hội, chính trị được quan tâm và giải quyết trên phạm vi toàn cầu như: vấn đề tài nguyên, môi trường, y tế, giáo dục, giảm đói nghèo và chống khủng bố... Tất cả những điều này làm cho quá trình xã hội hoá tư liệu sản xuất (TLSX) được tăng cường đến mức độ cao. Nền tảng kinh tế, kỹ thuật cho một thời kỳ phát triển mới về chất của xã hội đã hình thành - thời kỳ KTTT và toàn cầu hóa.

1.2. Bước ngoặt phát triển về chất của lực lượng sản xuất trong nền KTTT

KTTT đã tạo ra bước ngoặt phát triển nào của LLSX? Để trả lời câu hỏi này, cần trở lại với lý luận mác xít về Hình thái kinh tế xã hội (HTKTXH).

Như mọi người đều biết, xã hội loài người đã trải qua 4 HTKTXH, nay đang chuyển dần sang HTKTXH thứ năm - HTKTXH Cộng sản chủ nghĩa (CSCN). Thế kỷ XX, loài người đã thử nghiệm việc xây dựng nó, nhưng chưa thành công. Lý do chưa

thành công có nhiều, nhưng phải chăng điều chính yếu, quyết định nhất là HTKTXH CSCN chưa được xây dựng trên chính nền tảng kinh tế, kỹ thuật của nó - nền KTTT. Ngay tại các nước XHCN phát triển như Liên Xô, Đông Âu, Cu Ba..., kỹ nghệ của nền sản xuất xã hội vẫn chỉ là kỹ nghệ của nền đại công nghiệp cơ khí có trình độ trung bình. Thế mà, ngay cả nền đại công nghiệp cơ khí phát triển ở trình độ cao thì vẫn là nền tảng kinh tế, kỹ thuật của HTKTXH Chủ nghĩa Tư bản (CNTB). Điều này khiến cho mô hình xây dựng CNXH trong thế kỷ XX có sự bất cập lớn giữa thượng tầng kiến trúc XHCN với hạ tầng cơ sở còn đang lạc hậu. Đồ vỡ của mô hình xây dựng CNXH trong thế kỷ XX, rõ ràng là điều khó tránh khỏi.

Vào nửa cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, nền KTTT mới bắt đầu phát triển. Đây là nền kinh tế được xây dựng trên cơ sở sử dụng tri thức, khoa học công nghệ và thông tin như loại hình TLSX chính yếu để trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm xã hội. KTTT đang tạo ra một bước ngoặt phát triển mới về chất của LLSX trên những phương diện sau:

Một là, trong 4 HTKTXH trước, TLSX chính là những công cụ hữu hình như: chiếc gậy chọc hóc, chiếc cung tên của HTKTXH Công xã nguyên thủy (CXNT); sức lao động của người nô lệ... được tổ chức với những công cụ bằng kim khí được cải tiến của HTKTXH Chiếm hữu nô lệ; cái cày và chiếc cối xay gió của HTKTXH phong kiến và chiếc máy hơi nước cùng nền đại công nghiệp cơ khí của HTKTXH TBCN. Đây là những công cụ sản xuất mà con người phải trực tiếp chiếm hữu, sử dụng trong quá trình sản xuất. Sự phát triển về chất của những loại công cụ này đã tạo ra những bước phát triển nhảy vọt trong năng suất lao động xã hội - yếu tố quyết định thắng lợi của HTKTXH tiến bộ này với HTKTXH lạc hậu khác. Khi tri thức, thông tin và khoa học công nghệ trở thành LLSX trực tiếp, công cụ sản xuất là hệ thống máy móc được tự động hóa, người lao động thực hiện việc sản xuất và phân phối các sản phẩm xã hội thường gián tiếp thông qua hệ thống mạng thông tin được điều khiển bởi các trung tâm được thiết lập trong từng lĩnh vực ở từng quốc gia và quốc tế. *TLSX trở nên "Vô hình"*. Đây chính là thay đổi quan trọng, có tính bước ngoặt đầu tiên của LLSX trong thời đại mới - Thời đại KTTT và toàn cầu hóa. Điều này khiến cho cuộc cách mạng giành quyền lực kinh tế và quyền lực chính trị phải diễn ra theo những phương thức khác so với những cuộc cách mạng trước.

Hai là, con người như một nhân tố quan trọng của KTTT được xem xét dưới cả hai khía cạnh sức lực sinh học (cơ bắp) và sức lực trí tuệ (tinh thần) trong những hình thái kinh tế xã hội trước, song trong nền KTTT, trí tuệ là yếu tố chính yếu quyết định trực tiếp các quá trình sản xuất để tạo ra các vật phẩm xã hội. Người lao động trước đây phải tập trung sức lực cơ học trực tiếp điều khiển hệ thống máy móc trong các dây chuyền sản xuất ở các nhà máy, xí nghiệp có quy mô lớn, nay gián tiếp thông qua mạng thông tin để điều khiển hệ thống máy móc đã được tự động hóa này. *Lao động trí óc là loại lao động chính, trực tiếp tạo ra các vật phẩm xã hội*. Đây cũng là sự thay đổi có tính chất bước ngoặt về vai trò của các loại lao động xã hội. Điều mà chỉ đến thời đại KTTT và toàn cầu hóa mới có.

Ba là, thông tin, tri thức, khoa học như một nguồn tài nguyên quan trọng nhất, trực tiếp tạo ra giá trị của sản phẩm xã hội. Nguồn tài nguyên này không hư hao mất đi trong

quá trình sản xuất và tái sản xuất. Ngược lại nó càng phát triển khi được chuyển giao, chia sẻ và mở rộng khi sử dụng. Đây cũng là yếu tố thúc đẩy sự gia tăng của chuỗi giá trị toàn cầu. Tính xã hội hóa của LLSX trong nền KTTT, vì vậy, được mở rộng và phát triển ngày càng cao. Đây là một trong những yếu tố khiến HTKTXH TBCN có những thay đổi quan trọng trong những thập niên gần đây. Nhiều yếu tố kinh tế xã hội của HTKTXH mới - HTKTXH CSCN đã và đang nảy sinh, phát triển trong lòng CNTB. Đây cũng là điều mà thế kỷ XX chưa có.

Bốn là, người lao động trong nền KTTT, nhờ có thông tin và kỹ nghệ truyền tin phổ cập ở mức cao trên phạm vi toàn cầu khiến họ có đầy đủ điều kiện để phát triển toàn diện về cả thể chất, tinh thần và trí tuệ. *Giáo dục, đào tạo trở thành một trong những mắt khâu quan trọng, quyết định của cả quá trình sản xuất và phát triển xã hội.* Học tập trở thành yếu tố then chốt, làm cho mỗi con người có đủ tri thức, kỹ năng tham gia vào quá trình sản xuất và phát triển xã hội được tự động hóa ngày càng cao. Đây cũng là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy các tiến bộ xã hội, góp phần làm cho tính tích cực lao động và tính tích cực xã hội ở mỗi người được nâng cao. Năng suất lao động xã hội và hiệu quả sản xuất, nhờ vậy, sẽ được nâng lên không ngừng.

Năm là, dân chủ hóa được thúc đẩy nhờ sự dễ dàng trong cập nhật thông tin cho mỗi người, mỗi nhóm xã hội ở mỗi vùng, trong mỗi quốc gia. Truyền bá và thúc đẩy việc thực hiện các giá trị, chuẩn mực mà nhân loại đang hướng đến như: tự do, dân chủ, bình đẳng, quyền con người... được quan tâm và phát triển mạnh mẽ. Đây cũng là yếu tố quan trọng nữa mà nền KTTT đã tạo ra, nhằm giải phóng con người khỏi những áp bức bất công mà các xã hội có giai cấp đối kháng trước đây muốn xóa bỏ mà không thực hiện được. Giải phóng thực sự con người khỏi các xiềng xích, trói buộc cũng là một trong những biến đổi quan trọng về LLSX trong thời đại KTTT và toàn cầu hóa.

Sáu là, KTTT đã thúc đẩy nhanh quá trình giao lưu và hợp tác giữa các nền văn hóa ở nhiều khu vực, song sự khác biệt giữa các quan niệm về giá trị văn hóa khiến cho chủ nghĩa dân tộc và tôn giáo cực đoan có nguy cơ phát triển. Xung đột giữa các hệ giá trị văn hóa là vấn đề mà quá trình phát triển KTTT và toàn cầu hóa đang đặt ra. Đây không phải là thuận lợi mà là khó khăn trong quá trình chuyển đổi sang nền KTTT hiện nay. Phải coi đây là một trong những thách thức mà quá trình phát triển KTTT và toàn cầu hóa đang phải đối mặt. Tìm hướng khắc phục nó, rõ ràng, là điều không thể không quan tâm, chú ý trong thời đại hiện nay.

Tóm lại, nhờ những biến đổi của nền KTTT mà LLSX của thời đại mới đã được tạo ra và đang đưa xã hội loài người vào một giai đoạn phát triển mới về chất. Đây là những yếu tố quan trọng, quyết định đưa đến những biến đổi xã hội sâu sắc cả ở tầm vi mô lẫn vĩ mô.

2. Sự biến đổi cơ cấu xã hội và thay đổi vai trò của trí thức trong thời đại KTTT và toàn cầu hóa

2.1. Sự biến đổi về cơ cấu xã hội

Trong xã hội nông nghiệp, do cơ cấu kinh tế và cơ cấu thành phần kinh tế đơn giản nên cơ cấu xã hội, nhất là cơ cấu xã hội giai cấp cũng đơn giản, chỉ có giai cấp địa chủ

phong kiến và giai cấp nông dân, một bộ phận khác là tầng lớp trí thức. Tầng lớp này phụ thuộc vào giai cấp phong kiến, địa chủ cả về ý thức và địa vị xã hội. Ở Việt Nam, trong thời kỳ Phong kiến, bộ phận trí thức này không nhiều, chủ yếu là các Thầy đồ, Nho sỹ, Học giả...

Khi CNTB ra đời, cuộc cách mạng công nghiệp phát triển cùng với sự mở rộng thị trường cả chiều rộng và chiều sâu khiến xã hội xuất hiện những giai tầng xã hội mới - tư bản, công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức. Trong đó, giai cấp tư sản đứng ở trung tâm của xã hội, xây dựng xã hội tư bản theo những tiêu chí của mình. Kinh tế thị trường phát triển đến đỉnh cao, chính trị nghị trường và sự thống trị của hệ tư tưởng tư sản. Trí thức tuy là một nhóm xã hội đặc biệt, song về cơ bản vẫn phụ thuộc giai cấp tư sản, chịu tác động của hệ tư tưởng tư sản. Địa vị xã hội của họ gắn với địa vị xã hội của giai cấp tư sản. Trí thức vẫn là một tầng lớp xã hội phụ thuộc.

Ở Việt Nam trong thời kỳ thực dân đế quốc, lực lượng trí thức đã gia tăng nhiều. Ngoài các thành phần cũ, trí thức được bổ sung đội ngũ các thư lại, nhà làm luật, nhà quản lý, phiên dịch, giáo viên, nhà văn, nhà báo,... Tầng lớp trí thức này được phân thành hai nhóm: nhóm trí thức yêu nước và nhóm trí thức phụ thuộc vào chế độ thống trị đương thời. Cuộc đấu tranh của hai nhóm trí thức này cũng đã diễn ra xoay quanh cuộc đấu tranh cho độc lập, tự do và tiến bộ xã hội của dân tộc.

Từ khi phát triển nền KTTT, cơ cấu kinh tế, cơ cấu thành phần kinh tế có những thay đổi cơ bản. Tư liệu sản xuất quan trọng nhất, chính yếu nhất của nền KTTT không còn là những máy móc “hữu hình” mà người lao động có thể trực tiếp sử dụng để tạo ra sản phẩm xã hội. Công cụ lao động quan trọng nhất là trí thức, thông tin và khoa học đã gián tiếp tác động vào đối tượng lao động thông qua hệ thống máy móc tự động hóa để sản xuất ra các vật phẩm cho xã hội. Do vậy, không chỉ các nhóm xã hội nghề nghiệp thay đổi mà các nhóm, giai tầng xã hội cũng biến đổi nhiều.

Trước hết, ở nhóm xã hội công nhân, những người trực tiếp sản xuất trong nền đại công nghiệp cơ khí sẽ giảm nhiều về số lượng. Lao động chân tay sẽ chuyển dần sang lao động chân tay - trí óc hoặc lao động trí óc. Công nhân sẽ thành công nhân - trí thức. Theo thống kê ở Mỹ, trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI, đã có 93 triệu người lao động, chiếm 80% lực lượng lao động chuyển từ khu vực sản xuất sang khu vực thông tin, dịch vụ. Còn ở các nước OECD, hiện tại, công nhân trí thức đã chiếm tới 60% đến 70% lao động xã hội.

Giai cấp tư sản, giờ đây, không chỉ là chủ nhân đơn thuần của hệ thống sản xuất vật chất và dịch vụ xã hội. Họ còn là người tổ chức, quản lý, điều hành trực tiếp và gián tiếp hệ thống kinh tế - xã hội này. Lao động của họ là lao động trí óc. Trí thức mà họ có, kỹ năng quản lý mà họ nắm khiến họ trở thành một bộ phận quan trọng không thể thiếu trong nhóm xã hội trí thức. Thực chất, họ là một bộ phận quan trọng cấu thành nên nhóm xã hội trí thức trong thời đại KTTT và toàn cầu hóa hiện nay.

Nông dân muốn sản xuất và hội nhập vào nền KTTT cũng sẽ phải có trí thức. Trí thức giúp họ tổ chức lại sản xuất, nâng cao kỹ năng lao động, tạo sự liên kết có tính toàn

cầu. Nông dân cũng sẽ phải trở thành nông dân - trí thức mới có thể đáp ứng được yêu cầu cao của lao động xã hội trong thời đại KTTT và toàn cầu hóa. Thực chất, trong các nước công nghiệp phát triển, nông dân tham gia sản xuất trong các trang trại lớn đã là công nhân nông nghiệp. Khi chuyển sang nền KTTT, nông nghiệp, nông thôn được hiện đại hóa bởi những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến mà các cuộc cách mạng sinh học, lý học, hóa học và cách mạng xanh mang lại. Điều này đã làm cho công nhân nông nghiệp trở thành nhóm xã hội có đủ tri thức, kỹ năng điều khiển những loại TLSX ngày càng được hiện đại hóa trong quá trình sản xuất, phân phối và dịch vụ xã hội. Công nhân nông nghiệp cũng chuyển dần thành công nhân - trí thức. Đây là quá trình đang diễn ra trong nhiều nước công nghiệp phát triển vào những thập kỷ gần đây.

Vậy là, *trong thời đại KTTT và toàn cầu hóa, tất cả các giai tầng xã hội đều phải thay đổi. Chính những thay đổi về chất của TLSX đã đưa đến những thay đổi về tính chất và trình độ phát triển của LLSX. Đến lượt nó, kết cấu xã hội cũng có những thay đổi cơ bản. Các giai tầng xã hội cũ chuyển thành những tầng lớp xã hội mới với lao động ngày càng được trí thức hóa. Phân tầng xã hội cũng sẽ được điều chỉnh theo hướng giảm dần khoảng cách và sự khác biệt giữa các tầng. Đây là hướng thay đổi căn bản của cơ cấu xã hội trong thời đại KTTT và toàn cầu hóa hiện nay.*

2.2. Biến đổi của nhóm xã hội trí thức trong thời đại KTTT và toàn cầu hóa

Với nhóm xã hội trí thức, trong những hình thái kinh tế - xã hội trước, họ chỉ là một tầng lớp. Họ phụ thuộc vào giai cấp cầm quyền về cả tư tưởng và địa vị xã hội. Cái mà họ sở hữu tuy là tri thức, khoa học, thậm chí cả tư tưởng, song những yếu tố này phải được thể chế hóa bởi giai cấp cầm quyền mới trở thành những giá trị vật chất hoặc tinh thần của xã hội.

Trong thời đại mới, tri thức, khoa học, thông tin trở thành LLSX trực tiếp. Hơn nữa, đây là yếu tố quan trọng nhất, quyết định nhất của nền sản xuất hiện đại. Ai sở hữu tri thức, khoa học, thông tin, người đó trở thành chủ nhân của hình thái kinh tế - xã hội mới. *Đây là yếu tố quan trọng nhất biến trí thức từ một tầng lớp xã hội trước đó thành một giai cấp xã hội chính thức trong thời đại hiện nay.* KTTT càng phát triển, giai cấp trí thức càng được bổ sung, lớn mạnh từ những phần tử ưu tú trong giai cấp tư sản cũ, giai cấp công nhân và cả giai cấp nông dân. Họ nắm trong tay tri thức, khoa học, thông tin - những TLSX chính của xã hội, do vậy, họ trở thành chủ nhân của xã hội mới. Họ là người điều phối chính cho sự phát triển xã hội thông qua hệ thống sản xuất vật chất trong tất cả các ngành tạo tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng trong cả công nghiệp, nông nghiệp và các ngành dịch vụ xã hội khác.

Trí thức từ một tầng lớp xã hội phụ thuộc trở thành một giai cấp chính yếu trong xã hội hiện đại. Đây là sự thay đổi quan trọng, cơ bản đầu tiên của thời đại KTTT và toàn cầu hóa hiện nay.

Thay đổi quan trọng thứ hai là, khi KTTT hình thành và phát triển, các giai tầng xã hội cũ sẽ chuyển biến dần để hội nhập vào giai cấp trí thức đã hình thành và ngày càng lớn mạnh. Đây là quá trình mà vai trò của lao động cơ bắp trong nền kinh tế nông nghiệp và công nghiệp cơ khí giảm dần, lao động trí óc ngày càng tăng để chiếm vị trí

trọng yếu trong nền sản xuất xã hội. Thực tế ở những nước tiên tiến hiện nay cho thấy, khi nền KTTT đã phát triển, một bộ phận quan trọng công nhân, nông dân và người lao động khác đã phải học tập, nâng cao trình độ tri thức khoa học và kỹ năng lao động để sử dụng thành thạo hệ thống TLSX đã được hiện đại hóa, tin học hóa nhằm tham gia có hiệu quả vào quá trình sản xuất và tổ chức các dịch vụ xã hội. *Lao động chân tay đơn giản chuyển biến dần thành lao động trí óc*. Các nhà máy, công xưởng có hàng ngàn, hàng vạn công nhân sẽ giảm đi, máy móc tự động sẽ thay thế họ. Công nhân có thể điều khiển hệ thống sản xuất, dịch vụ qua các trung tâm điều hành ở cách xa nơi sản xuất. Điều này làm biến đổi cả cách thức tổ chức sản xuất và tổ chức đời sống xã hội trong thời đại mới. Năng suất lao động xã hội sẽ tăng lên không ngừng. Người lao động làm trong các hệ thống dịch vụ sản xuất và dịch vụ xã hội sẽ ngày càng gia tăng. Ngày làm việc và giờ làm việc của người lao động sẽ được giảm thiểu trong sự phù hợp với những tiến bộ kỹ thuật và tiến bộ xã hội.

Theo hướng này, *xã hội của nền KTTT sẽ là xã hội không còn đối kháng giai cấp. Các giai cấp khác sẽ dần dần được trí thức hóa*. Xã hội sẽ chỉ còn những người lao động sở hữu những TLSX duy nhất là tri thức, khoa học và thông tin. Mà với những TLSX này, mỗi người sinh ra đều có quyền được học tập, lĩnh hội, chia sẻ trong quá trình sống và phát triển của mình. Tự do, dân chủ, bình đẳng là những giá trị mà thời đại KTTT sẽ đạt tới ngày càng trọn vẹn.

Trên những chuyển biến này, sự nhất thể hóa về kinh tế sẽ ngày càng phát triển. Các khu vực mậu dịch tự do sẽ hình thành. *Toàn cầu hóa là xu thế phát triển tất yếu. Ranh giới địa lý giữa các quốc gia, dân tộc sẽ giảm dần sự cách biệt* bởi những thủ tục hành chính tạo ra. Sự giao thoa về văn hóa, xã hội sẽ ngày càng gia tăng. Nhưng sự khác biệt còn có giữa các hệ giá trị văn hóa, tư tưởng, dân tộc, tôn giáo sẽ còn tồn tại và có thể nảy sinh mâu thuẫn, xung đột. Đây là vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu và tìm hướng giải quyết.

Như vậy, sự hình thành lớn mạnh của nền KTTT đã tạo ra bước ngoặt phát triển của LLSX xã hội, đưa xã hội loài người vào thời đại mới. Cơ cấu kinh tế, cơ cấu thành phần kinh tế sẽ biến đổi do những thay đổi về TLSX chính yếu tạo ra. Điều này đưa đến những thay đổi cơ bản về cơ cấu giai tầng xã hội và về địa vị, vai trò của chúng trong thời đại mới. *Với trí thức, tầng lớp chỉ có địa vị phụ thuộc trong các xã hội trước, nay thành giai cấp trung tâm, sở hữu các tư liệu sản xuất chính yếu, có vai trò lãnh đạo sự phát triển của xã hội loài người trong tương lai. Đây là những biến đổi quan trọng nhất của cơ cấu xã hội trong thời đại KTTT và toàn cầu hóa hiện nay*.

3. Biến đổi của nhóm xã hội trí thức trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam

3.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay

Ở Việt Nam, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển KTTT được xác định chính thức từ Hội nghị lần thứ 7 nhiệm kỳ đại hội lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tại hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương xác định: “Ưu tiên ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến như công nghệ thông tin, phục vụ yêu cầu điện tử hóa và tri thức hóa nền kinh tế quốc dân” (Đặng Hữu, 2000).

Đến tháng 6 năm 1996, tại đại hội lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng ra Nghị quyết, nhấn mạnh: “Ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực kinh tế quốc dân, tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả, hình thành mạng thông tin quốc gia, liên kết với mạng thông tin quốc tế... nắm bắt được công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, những công nghệ mới trong chế tạo máy... để có thể đưa nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1996: 80,105).

Bổ sung, hoàn chỉnh những hướng chiến lược đã được xác định này, các đại hội lần thứ IX, X và XI cùng nhiều Hội nghị Trung ương trong các nhiệm kỳ đã từng bước làm rõ nội dung, nhiệm vụ và những biện pháp cụ thể đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH, phát triển KTTT. Đặc biệt trong Chỉ thị số 58/CT-TW ngày 17 tháng 10 năm 2000 về “Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH” đã cụ thể hóa hơn nữa quan điểm, nội dung, biện pháp cần thực hiện nhằm thực hiện CNH, HĐH, phát triển KTTT.

Thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã đề ra chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trong từng nhiệm kỳ và hàng năm, đã xác định phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp thực hiện CNH, HĐH, từng bước phát triển nền kinh tế tri thức. Trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020 nhiệm vụ CNH, HĐH, phát triển KTTT được xác định là: “Kinh tế tri thức phát triển mạnh, do đó con người và tri thức càng trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia...; chú trọng phát triển chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức;...Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài; đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức;...Chú trọng phát triển các ngành, lĩnh vực khoa học, công nghệ làm nền tảng cho phát triển kinh tế tri thức như: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ môi trường...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011).

Trên thực tế, từ sau năm 2010, CNH, HĐH được đẩy mạnh; chủ trương đi tắt đón đầu phát triển nhanh những ngành kinh tế mũi nhọn và có thể mạnh được chú ý. Cơ cấu kinh tế, cơ cấu thành phần kinh tế được điều chỉnh lại một bước cho phù hợp. Tỷ trọng giữa các khu vực kinh tế đã có những thay đổi quan trọng. Nếu năm 1990, tỉ trọng của khu vực nông, lâm, ngư nghiệp chỉ là 18,4%, khu vực công nghiệp và xây dựng là 23,67% và của khu vực dịch vụ là 38,59% thì năm 2013, khu vực nông, lâm, ngư nghiệp chỉ còn 18,4%; công nghiệp, xây dựng tăng lên 38,3% và khu vực dịch vụ đạt tới 43,3% (Hội đồng Lý luận Trung ương, 2015:9). Điều này làm cho cơ cấu lao động xã hội của Việt Nam đã có những biến chuyển lớn. Cụ thể, tỷ trọng lao động ngành nông nghiệp giảm từ 73% năm 1990, xuống còn 47% năm 2013; tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng từ 11,2% năm 1990 lên 21,1% năm 2013; ngành dịch vụ tăng từ 15,8% năm 1990 lên 32% năm 2013. Riêng trong giai đoạn năm 2011 - 2013, tỷ trọng lao động ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 12,1% lên 21,1%. Lao động các ngành dịch vụ tăng từ 19,7% lên 32%. Còn lao động các ngành nông - lâm - thủy sản giảm từ 68,2% xuống còn 47%. Tỷ lệ lao động được đào tạo năm 1990 chỉ ở dưới mức 10%, nhưng đến năm 2013 đã tăng lên 49% (Hội đồng Lý luận Trung ương, 2015:20). Đây là những thay đổi đáng ghi nhận làm biến đổi cơ cấu nhóm lao động xã hội trong xã hội Việt Nam trong quá trình đổi mới.

Rõ ràng là quá trình CNH - HĐH đã làm tỷ trọng các ngành công nghiệp dịch vụ gia tăng; Các ngành nông - lâm - ngư nghiệp giảm tương đối nhanh. Điều này kết hợp với việc triển khai các chương trình giáo dục, đào tạo, dạy nghề, khiến *giai cấp công nhân - kể cả công nhân trí thức gia tăng rõ rệt. Việt Nam bắt đầu phát triển nhanh các ngành công nghệ thông tin, điện tử, sinh học... Đây là những yếu tố làm biến đổi giai cấp công nhân, kể cả bộ phận công nhân trí thức và nhóm xã hội trí thức ở Việt Nam hiện nay.*

3.2. Biến đổi nhóm xã hội trí thức ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Hiện nay, Việt Nam đang trong thời kì đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế tri thức. Theo thống kê quốc gia, hiện tại Việt Nam có khoảng 53 triệu lao động trong đó lao động nam, chiếm 51,4%; lao động nữ chiếm 48,6%. Tỷ trọng lao động đã qua đào tạo đạt xấp xỉ 50% lực lượng lao động xã hội (Đức Vượng, 2014: 96). Trong đó, số công nhân viên chức Việt Nam có khoảng 11 triệu người. Số đang làm việc trong khu vực hành chính sự nghiệp khoảng 2,6 triệu. Còn lại là công nhân sản xuất trong nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội khác nhau. Số làm việc trong các doanh nghiệp nước ngoài khoảng 1 triệu người. Đa số công nhân Việt Nam hiện nay tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên.

Theo số liệu thống kê hiện tại, đội ngũ trí thức của Việt Nam có khoảng 2,5 triệu người, chiếm khoảng 2,15% dân số. Trong số này có 20.000 thạc sỹ, 17.000 tiến sỹ và tiến sỹ khoa học, 7.000 giáo sư và phó giáo sư (Đức Vượng, 2014: 97). Nếu xét theo tiêu chí đánh giá về chất lượng nhân lực của Việt Nam, thì Việt Nam chỉ được 3,79 điểm (chấm theo thang điểm 10). Trong khi đó, chỉ số này ở các nước trong khu vực Châu Á đã vượt khá xa: Thái Lan (4,04/10); Philippine (4,53/10); Hồng Kông (5,2/10); Malaysia (5,59/10); Trung Quốc (5,73/10); Ấn Độ (5,6/10); Đài Loan (6,04/10); Hàn Quốc (6,91/10) (Tổng cục Thống kê, 2013). Điều này cho thấy, chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam hiện nay còn ở mức rất thấp.

Tỉ lệ công trình nghiên cứu khoa học tính trên 100 dân thì Việt Nam còn khá thấp, chỉ 0,18/100 dân. Trong khi đó Hàn Quốc đã đạt 2,19; Cộng hòa Liên bang Đức là 2,83. Bên cạnh đó, chi phí cho hoạt động khoa học tính theo đầu người của Việt Nam lại càng thấp hơn. Nếu so với Hàn Quốc, hiện tại, Việt Nam kém hơn tới 170 lần. So với Cộng hòa Liên bang Đức, Việt Nam thấp hơn tới 400 lần. Chính những điều này đã làm cho hiệu quả hoạt động khoa học của trí thức Việt Nam hiện thấp chỉ bằng 1/5 Thái Lan, 1/45 của Hàn Quốc và 1/110 so với Trung Quốc.

Những số liệu trên cho thấy, dù công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam đang bước vào giai đoạn phải đẩy nhanh, song do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, do chưa hội đủ những điều kiện cần và đủ cho việc đẩy nhanh, nên dù đã cố gắng, Việt Nam vẫn là nước đang phát triển chưa hội nhập vào hàng ngũ những nước công nghiệp mới. Đội ngũ công nhân, lao động vẫn là đội ngũ công nhân lao động của thời kì công nghiệp hóa xây dựng nền đại công nghiệp cơ khí. Đây là thời kỳ mà giai cấp công nhân, chủ yếu là công nhân - công nghiệp sử dụng lao động cơ bắp trong những nhà máy, công xưởng có hàng ngàn, hàng vạn lao động. Công nhân trí thức chưa nhiều, công nhân điều hành các guồng máy sản xuất tự động hóa, tin học hóa có mối liên kết toàn cầu đang còn ở mức rất khiêm tốn.

Nếu so sánh trình độ phát triển ở một số ngành khoa học công nghệ hoặc ngành có liên quan đến dịch vụ khoa học công nghệ giai đoạn 2005 - 2013 có thể thấy, năm 2005 ngành công nghiệp chế biến và chế tạo máy chỉ mới chiếm 11,8% tổng lao động xã hội, thì năm 2013 đã lên tới 14%. Công nghệ thông tin tăng từ 0,4% năm 2005 lên 0,5% năm 2013. Khoa học công nghệ cũng tương tự như vậy, đã tăng từ 0,4% năm 2005 lên 0,5% năm 2013. Ngành Giáo dục đào tạo năm 2005 có 2,9% lao động xã hội thì năm 2014 đã tăng lên 3,5%; Y tế tăng từ 0,2% lên 0,5%. Đây là những bước tiến đáng ghi nhận trong phát triển lực lượng nghiên cứu và áp dụng các thành tựu của khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống. Tuy vậy, do xuất phát điểm phát triển của Việt Nam còn thấp nên mức tăng trưởng như vậy không cao, kinh tế tri thức mới bước đầu phát triển. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, năm 2007, Việt Nam đã đạt được 3,1/10 điểm về chỉ số phát triển kinh tế tri thức (Hội đồng Lý luận Trung ương, 2011: 538).

Nhiều nhà nghiên cứu dự báo, ở Việt Nam công nghiệp hóa biến Việt Nam thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại phải trải qua vài ba chục năm nữa. Nghĩa là vào khoảng năm 2040, nếu cố gắng, trình độ phát triển của Việt Nam mới có thể ngang bằng với Hàn Quốc ở thời điểm hiện tại. Từ nay đến năm 2040, cơ cấu giai cấp ở Việt Nam vẫn bao gồm công nhân, nông dân, tư sản và tầng lớp trí thức. Dù tầng lớp trí thức có tăng nhanh về số lượng, nâng cao được chất lượng, nhưng trí thức vẫn là một tầng lớp xã hội phụ thuộc vào Đảng cầm quyền về cả ý thức hệ và địa vị xã hội. Trí thức vẫn là một nhóm xã hội ngày càng được bổ sung từ nhiều nhóm xã hội khác, song vẫn chưa thành giai cấp, chưa nắm được tư liệu sản xuất chính yếu là khoa học, công nghệ và thông tin như trí thức của nhiều nước công nghiệp tiên tiến khác.

Để phát triển kinh tế tri thức, theo những tiêu chí của Liên hợp quốc, thì nước có nền kinh tế tri thức phải đạt tiêu chuẩn sau:

- Trên 70% GDP do các ngành sản xuất vật chất và dịch vụ ứng dụng công nghệ cao mang lại.
- Trên 70% là kết quả của lao động trí óc trong cơ cấu giá trị gia tăng.
- Trên 70% lực lượng lao động là lao động trí óc.
- Trên 70% vốn là vốn con người (Văn Tạo, 2007: 110).

Như vậy, để Việt Nam trở thành nước có nền kinh tế tri thức cần phải thực hiện chiến lược phát triển khoa học công nghệ, hội nhập tích cực vào sự phát triển của thế giới. Trước tiên phải tập trung sức phát triển tin học, công nghệ thông tin, tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ quốc tế để phát triển các ngành công nghệ mà Việt Nam và thế giới cần như công nghệ điện tử, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học, công nghệ đảm bảo sự phát triển xanh, bền vững... Điều này giúp hoàn thành nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, biến Việt Nam thành nước công nghiệp có trình độ phát triển trung bình khá vào thập kỷ 30 của thế kỷ này để tiến nhanh vào thời đại KTTT.

Để phát triển KTTT, trước mắt giáo dục, đào tạo phải thực sự được coi trọng, phải trở thành quốc sách hàng đầu, giúp hình thành một tầng lớp trí thức mới có đủ năng lực

đưa Việt Nam hội nhập thành công vào trào lưu phát triển chung của nhân loại. Muốn vậy, phải tổ chức lại nền giáo dục quốc gia, gắn học với hành, giảm thiểu cách học tập quá chú trọng lý thuyết, tăng phần thực tiễn; kết hợp giữa nâng cao tri thức, kỹ năng chuyên môn với rèn luyện đạo đức, phẩm chất. Đặc biệt phải có cơ chế gắn giáo dục, đào tạo với thị trường, làm cho giáo dục đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển và ứng dụng thành công các thành tựu của khoa học, công nghệ vào thực tiễn. Rút ngắn khoảng cách giữa phát minh và ứng dụng. Để làm tốt điều này, cần nâng cao chất lượng giáo dục, chống tiêu cực trong giáo dục, đào tạo. Ngoài ra, phải đẩy nhanh việc phát triển công nghệ thông tin, ngoại ngữ cho đội ngũ trí thức, giúp trí thức có những công cụ quan trọng để hội nhập và phát triển trong thời đại KTTT, toàn cầu hóa hiện nay.

Có thể nói, trong một vài thập kỷ trước mắt, nhóm xã hội trí thức ở Việt Nam vẫn là tầng lớp xã hội quan trọng, đang có những thay đổi về chất để tham gia có hiệu quả vào sự nghiệp CNH, HĐH, biến Việt Nam thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Từ khoảng thập kỷ 40 trở đi, trí thức sẽ biến đổi dần thành một giai cấp. Đây là giai cấp sở hữu tri thức, khoa học, công nghệ và thông tin - loại TLSX chính yếu của thời đại mới. Trí thức sẽ thay đổi vai trò để trở thành chủ nhân của xã hội có nền KTTT phát triển trong điều kiện toàn cầu hóa được mở rộng. Sự chuyển hóa dần của công nhân, nông dân thành trí thức sẽ đem lại cho xã hội một kết cấu xã hội mới thuần nhất hơn. Song song với sự hòa đồng về giai tầng xã hội, sẽ là sự xích lại gần nhau giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ. Toàn cầu hóa về kinh tế sẽ đưa đến sự nhất thể hóa về xã hội. Thế giới sẽ dần trở thành một cộng đồng thống nhất trong tính đa dạng về văn hóa. Đây là xu thế biến đổi không chỉ của trí thức Việt Nam mà của cả xã hội loài người trong thế kỷ XXI.

Tài liệu tham khảo

- Đảng Cộng sản Việt Nam. 2011. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội năm 2011 - 2020, Văn kiện đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Hội đồng Lý luận Trung ương. 2011. *Những vấn đề lý luận và thực tiễn mới đặt ra trong tình hình hiện nay* (Sách tham khảo). Nxb Chính trị quốc gia.
- Hội đồng Lý luận trung ương. 2015. *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
- Đặng Hữu. 2000. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, Báo Nhân dân, số 7.
- Đặng Mộng Lân. 2001. *Kinh tế trí thức - những khái niệm và vấn đề cơ bản*. Nxb Thanh niên.
- Trần Hồng Lưu. 2009. *Vai trò của trí thức khoa học trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay*. Nxb Chính trị quốc gia.
- Văn Tạo. 2007. *Giai cấp công nhân Việt Nam với kinh tế trí thức*. Nxb Lý luận chính trị.
- Tổng cục Thống kê. 2013. Niên giám thống kê 2013, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- Nguyễn Kế Tuấn. 2004. *Phát triển kinh tế trí thức đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa ở Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia.
- Đàm Đức Vượng. 2014. *Thực trạng và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới đất nước* (Sách tham khảo). Nxb Chính trị quốc gia.